

 qíng tiān 晴天 sunny	 duō yún 多云 cloudy	 jú bù duō yún 局部多云 partly cloudy	 duō fēng 多风 windy	汉语 词典  duō yǔ 多雨 rainy
 bào fēng yǔ 暴风雨 stormy	 shǎn diàn 闪电 lightning	 dǎ léi 打雷 thundering	 cǎi hóng 彩虹 rainbow	 duō wù 多雾 foggy
 duō xuě 多雪 snowy	 yǔ jiā xuě 雨夹雪 sleety	 bīng báo 冰雹 hail	 jié bīng 结冰 icy	 lóng juǎn fēng 龙卷风 tornado